



SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTER FOR DISEASE CONTROL
IN KON TUM PROVINCE

405 Bà Triệu- TP. Kon Tum- tỉnh Kon Tum
Điện thoại: 0260 3 500470
E-mail: xn.cdc.kontum@gmail.com



CÔNG TY CP CẤP NƯỚC KON TUM
Số: 131
ĐẾN Ngày: 28/6/2022
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
ANALYSIS REPORT

Hà Lưu gởi
photo: Đ. Phương
- KTT.

Số hồ sơ: 041.22

Tên khách hàng/Name of the customer: Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum
Địa chỉ/Address of customer: 182 Trần Phú- P. Trường Chinh- Tp. Kon Tum- tỉnh Kon Tum
Ngày nhận mẫu/Date of receipt: 15/6/2022
Ngày thử nghiệm/Date of analysis: 15/6/2022
Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu đựng trong chai thủy tinh, khách hàng tự mang đến

TT/ No.	Tên hàng hóa/ Name of goods	Số lượng/ Amount	Ngày sản xuất/ Production date	Số nhận diện/ Identification number
01	Nước máy (Bể chứa sau xử lý)	1.000 ml	/	HV2/22.070
02	Nước máy (24 Lê Hồng Phong)	1.000 ml	/	HV2/22.071
03	Nước máy (492 Hùng Vương)	1.000 ml	/	HV2/22.072

Kết quả/Results: Xem trang sau/See next page

Kon Tum, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Nơi nhận:

- Nơi gửi mẫu;

- Lưu: XN.

TRƯỞNG KHOA

Đặng Văn Sơn

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Vân

Lưu ý:

- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm.

- Cam kết kết quả này đảm bảo tính khách quan, công bằng, bảo mật cho khách hàng và mẫu xét nghiệm.

BM: 2-7.8-1

Lần/ngày ban hành: 03.12/04/19

KẾT QUẢ/RESULTS

Số nhận diện/Identification number: HV2/22.070

TT/ No.	Chỉ tiêu phân tích/ Specifications	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Methods	Tiêu chuẩn cho phép/ Maximum level standard	Kết quả/ Results
01	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<3	KPH
02	E.coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<1	KPH
03	pH		TCVN 6492:2011	6,0- 8,5	6,58
04	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	2,0	<1,0
05	Clo dư	mg/L	SMEWW 2350 B: 2017	0,2- 1,0	0,35
06	Màu sắc (*)	TCU	SMEWW 2120 B: 2017	15	<3,0
07	Mùi vị (*)		TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ

KẾT QUẢ/RESULTS

Số nhận diện/Identification number: HV2/21.071

TT/ No.	Chỉ tiêu phân tích/ Specifications	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Methods	Tiêu chuẩn cho phép/ Maximum level standard	Kết quả/ Results
01	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<3	KPH
02	E.coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<1	KPH
03	pH	/	TCVN 6492:2011	6,0- 8,5	6,56
04	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	2,0	<1,0
05	Clo dư	mg/L	SMEWW 2350 B: 2017	0,2- 1,0	0,3
06	Màu sắc (*)	TCU	SMEWW 2120 B: 2017	15	<0,3
07	Mùi vị (*)	/	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Coliforms, E.coli KPH tương ứng với giá trị < 1,0 CFU/100 ml
- (*) Chưa đăng ký công nhận ISO 17025: 2017

KẾT QUẢ/RESULTS

Số nhận diện/Identification number: HV2/22.072

TT/ No.	Chỉ tiêu phân tích/ Specifications	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Methods	Tiêu chuẩn cho phép/ Maximum level standard	Kết quả/ Results
01	Coliforms	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<3	KPH
02	E.coli	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2009	<1	KPH
03	pH	/	TCVN 6492:2011	6,0- 8,5	6,56
04	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	2,0	<1,0
05	Clo dư	mg/L	SMEWW 2350 B: 2017	0,2- 1,0	,0,3
06	Màu sắc (*)	CTU	SMEWW 2120 B: 2017	15	<3,0
07	Mùi vị (*)	/	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
- Coliforms, E.coli KPH tương ứng với giá trị < 1,0 CFU/100 ml
- (*) Chưa đăng ký công nhận ISO 17025: 2017



Chỉ tiêu phân tích đạt theo QCVN 01-1: 2018/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.